

Một số khía cạnh của khuôn mẫu giới trong gia đình nông thôn Việt Nam: Nhìn từ kết quả nghiên cứu gần đây

Nguyễn Đức Chiện^(*)

Văn Thị Hoàn^(**)

Lê Thị Thu Hương^(***)

Tóm tắt: *Khuôn mẫu “vai trò giới” giữa vợ và chồng trong gia đình ở nước ta đang có nhiều biến đổi do tác động của Đổi mới. Tuy nhiên, về mặt học thuật, chủ đề này thời gian qua mới chỉ được quan tâm phản ánh đơn lẻ trong các công trình nghiên cứu. Câu hỏi đặt ra là vai trò giới giữa vợ và chồng đang diễn biến như thế nào trên các khía cạnh của đời sống gia đình? Với phương pháp tổng quan các tài liệu từ năm 2000-2014, nội dung bài viết từng bước làm sáng tỏ câu hỏi này trên cơ sở một số khía cạnh liên quan đến khuôn mẫu vai trò giới giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: Giới, Khuôn mẫu giới, Gia đình nông thôn Việt Nam

I. Khuôn mẫu giới giữa người vợ và người chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay

1. Giới trong nội trợ, chăm sóc sức khỏe gia đình

Tìm hiểu vai trò giới trong nội trợ, chăm sóc sức khỏe gia đình là đề tài hấp dẫn thu hút sự quan tâm của các học giả nghiên cứu trong vòng hơn một thập niên qua. Thực tế này mang đến một đánh giá khá toàn diện về diễn biến của quan hệ này trong đời sống gia đình Việt Nam. Trong một nghiên cứu năm 2000, nhà

nghiên cứu Scott Coltrane nhận định rằng, thời gian làm việc nhà của phụ nữ có giảm và nam giới có dành nhiều thời gian cho việc nhà hơn đôi chút; nhưng so với nam giới, phụ nữ vẫn dành ít nhất là gấp đôi thời gian cho việc nhà (Dẫn theo: Vũ Tuấn Huy, 2004). Những năm sau đó, một số nghiên cứu khác do các nhà nghiên cứu và tổ chức quốc tế tiến hành tiếp tục chỉ ra số lượng việc nhà mà người vợ thực hiện nhiều gấp đôi người chồng và thường là nghiêng về các công việc vốn vẫn được coi là “việc đàn bà” như: đi chợ, rửa bát, giặt giũ, lau dọn nhà cửa (UNDP, 2004; John Knodel, Rukmalie, Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, 2000).

Các học giả Việt Nam cũng có cái nhìn khá thống nhất về vấn đề này. Họ

(*) PGS.TS, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Email: xhhchien@yahoo.com

(**) Bộ Nội vụ.

(***) Phòng Giáo dục quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

đưa ra nhận định, về cơ bản công việc nội trợ như: mua thức ăn, nấu cơm, rửa bát, giặt giũ thường do người vợ đảm nhiệm là chính, mặc dù trong những năm gần đây đã có sự chuyển biến về thời gian làm việc nhà theo nghĩa phụ nữ làm ít hơn và nam giới chia sẻ công việc nội trợ nhiều hơn trước đây (Nguyễn Linh Khiếu, 2001; Vũ Tuấn Huy, 2004; Lê Ngọc Văn, 2005; Vũ Mạnh Lợi, 2004).

Nghiên cứu sâu về chủ đề này trong những năm sau đó tiếp tục khẳng định “khuôn mẫu” quan hệ giới trong các việc gia đình. Trong bài viết “Sinh kế và tiếp cận nguồn lực đất đai của phụ nữ tại hai xã nông thôn đồng bằng Bắc bộ và Nam bộ” (Tập chí *Xã hội học*, 2006: 89), Nguyễn Thị Vân Anh chỉ ra rằng “Vai trò giới truyền thống đối với hoạt động tái sản xuất vẫn còn nguyên vẹn: người phụ nữ làm hầu hết các việc nội trợ mặc dù trong công việc gia đình, vai trò của nam giới thể hiện rõ rệt nhất qua mảng việc chính là sửa chữa (nhà cửa, đồ dùng)”. Còn trong nghiên cứu “Phân công lao động trong gia đình”, Vũ Mạnh Lợi nhận định rằng, ngày nay phụ nữ và nam giới cũng được dạy dỗ từ nhỏ để đóng các vai trò xã hội khác nhau và có cách ứng xử khác nhau. Nhìn chung, nam giới vẫn thường được coi là “trụ cột” của gia đình, là người “chủ” gia đình, họ có quyền quyết định các việc quan trọng, phụ nữ phải đảm đương công việc nội trợ và chăm sóc con cái (Vũ Mạnh Lợi, 2004).

Các nghiên cứu như “Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình” năm 2008 của Lê Thái Băng Tâm, “Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ Đổi mới” năm 2009 của Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh tiếp tục chỉ ra sự khác biệt trong việc tham gia công việc gia đình giữa người vợ và người chồng. Nghiên cứu

“Biến đổi mô hình phân công lao động nội trợ trong gia đình nông thôn” năm 2010 của Phùng Thị Kim Anh cũng cho thấy, trong quá trình chung sống, giữa vợ và chồng đã có sự chia sẻ nhất định về công việc nội trợ, thời gian kết hôn tăng lên thì khối lượng công việc của người phụ nữ được giảm xuống. Tuy nhiên, công việc nội trợ vẫn hầu hết do các thành viên nữ trong gia đình đảm nhận, nếu không phải do người vợ, người mẹ thì vẫn là con gái hoặc chị em gái. Các thành viên nam như người chồng, người cha hoặc con trai, anh em trai vẫn chỉ đóng vai trò là người hỗ trợ.

“Báo cáo bình đẳng giới ở Việt Nam” chỉ rõ, 44% nam giới không tham gia vào các công việc nhà, trong khi chỉ có 21% nữ giới không tham gia việc nhà. Điều đó cho thấy, thái độ và hành vi truyền thống coi phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính trong chăm sóc gia đình vẫn là một khuôn mẫu và các giải thưởng khuyến khích đối với vai trò này chỉ dành cho phụ nữ mà bỏ quên nam giới (Dẫn theo: Nguyễn Phương Thảo, 2011).

Nghiên cứu “Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc bộ” năm 2013 của Vũ Mạnh Lợi và cộng sự mới công bố gần đây vẫn tiếp tục khẳng định, khuôn mẫu phân công lao động theo giới cho thấy đóng góp của cả nam và nữ vào các công việc trong hộ gia đình phù hợp với quan niệm truyền thống về năng lực so sánh của nam và nữ. Phụ nữ nhìn chung vẫn là người dành nhiều thời gian hơn cho các công việc trong gia đình, họ vẫn là lực lượng chính, đảm đương phần lớn gánh nặng việc nhà.

Như vậy, có thể thấy rõ, các nghiên cứu về vai trò giới trong nội trợ, chăm sóc

sức khỏe gia đình ở nông thôn Việt Nam hơn một thập niên qua đã chỉ ra sự chuyển biến đáng kể trong việc tham gia của nam giới (người chồng) vào công việc này. Người chồng đã tích cực hơn trong việc chia sẻ việc nội trợ, chăm sóc sức khỏe các thành viên gia đình, nhưng về cơ bản sự tham gia của hai giới vẫn diễn biến theo mô hình truyền thống, nhất là ở nông thôn vùng sâu, vùng xa. Người vợ vẫn đảm nhận chính các công việc tái sản xuất trong gia đình, bao gồm việc nội trợ, nuôi dưỡng chăm sóc con cái, chăm sóc người già, người ốm, trong khi sự tham gia của người chồng vào các công việc này chưa nhiều. Rõ ràng là trong những thập niên vừa qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực về chính sách và hành động thực tiễn nhằm cải thiện quan hệ giới trong tham gia việc nhà, nhưng sự thay đổi còn rất hạn chế.

2. Giới trong giáo dục con cái: Vợ tiếp tục tham gia nhiều hơn chồng

Khi so sánh về số lượng thì chủ đề giới trong giáo dục con cái có ít nghiên cứu hơn chủ đề giới trong nội trợ, chăm sóc sức khỏe gia đình. Tuy nhiên, nghiên cứu về đề tài giới trong giáo dục con cái bước đầu đưa ra một số bằng chứng lý thú về diễn tiến của vai trò giới giữa vợ và chồng liên quan đến hoạt động này.

Vào đầu những năm 2000, một nghiên cứu do tổ chức UNICEF thực hiện đã cho rằng, việc thay đổi vai trò của phụ nữ diễn ra hiện nay có sự liên kết chặt chẽ với việc gia tăng gánh nặng công việc, nhiều nơi ở khu vực nông thôn, phụ nữ không có đủ thời gian nghỉ ngơi, thậm chí trước khi sinh (Dẫn theo: Nguyễn Linh Khiếu, 2001).

Trong một nghiên cứu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng phối hợp với một số cơ quan khác tiến hành năm 2006 cho thấy, thực tế người mẹ có xu

hướng dành thời gian chăm sóc con cái, trong khi việc giáo dục con cái lại có xu hướng nghiêng về bố nhiều hơn. Còn nghiên cứu của Nguyễn Anh Tuấn lại khẳng định, “Người vợ dành thời gian cho gia đình và chăm sóc con cái nhiều hơn rất nhiều so với người chồng. Trong tương quan giữa vợ và chồng với cuộc sống gia đình, người phụ nữ có vai trò quan trọng trong giáo dục và nuôi dạy con cái. Thậm chí, có thể nói ‘vai trò người cha không tương xứng với vai trò người mẹ’ trong giáo dục và chăm sóc con cái” (Nguyễn Anh Tuấn, 2011: 114).

Kết quả nghiên cứu của Phan Đức Nam lại cho thấy, đã có sự thay đổi trong vai trò của bố và mẹ trong giáo dục và chăm sóc con cái, có sự tham gia của cả hai vào công việc này. Vai trò của người đàn ông không chỉ là công việc ngoài xã hội, vai trò của người phụ nữ không hoàn toàn còn là “nữ công gia chánh”, công việc chăm sóc con cái không chỉ dành riêng cho người mẹ, người vợ. Giờ đây thời gian ở bên con, yêu thương con và chăm sóc dạy dỗ cũng như bảo ban con được cả hai phía vợ và chồng đồng lòng chia sẻ (Phan Đức Nam, 2013).

Một hướng lý giải khác, kết quả nghiên cứu “Khía cạnh quan hệ giới của gia đình nông thôn miền núi” năm 2001 của Nguyễn Linh Khiếu, và công trình “Xã hội học gia đình” năm 2003 của Mai Huy Bích chỉ ra sự khác biệt trong giáo dục giới tính, về cơ bản, nếu là con trai thì người thực hiện giáo dục giới tính là bố và con gái thì người thực hiện là mẹ. Người mẹ thực hiện giáo dục giới tính cho con gái chiếm tỷ lệ gấp đôi so với người bố thực hiện giáo dục giới tính đối với con trai.

Theo Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, việc chăm sóc con nhỏ dưới 5 tuổi chủ yếu do

phụ nữ đảm nhiệm. Đối với việc chăm lo học hành cho con trong tuổi đi học (từ 5 đến 18 tuổi) thì thấy sự tham gia tích cực của cả hai vợ chồng. Vai trò người vợ tỏ ra quan trọng hơn vai trò người chồng, thể hiện ở tỷ lệ người vợ làm chính việc này cao hơn. Song sự tham gia của người chồng, hoặc với tư cách người làm chính, hoặc cùng làm tương đương với đóng góp của vợ, cũng rất cao (Dẫn theo: Phan Đức Nam, 2013: 62).

Theo Vũ Thị Thanh, một số nghiên cứu về giáo dục con cái cũng nêu bật sự tham gia của người chồng trong công việc này ít hơn đáng kể so với người vợ. Đối với các hoạt động như hợp phụ huynh học sinh, giúp con học thêm ở nhà, tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chủ yếu công việc này đều cao gấp 2-3 lần so với người chồng. Chỉ có việc dạy bảo, đưa con vào kỷ luật là có sự khá cân bằng giữa vợ và chồng (Vũ Thị Thanh, 2007).

Có thể nhận thấy, có một số lượng đáng kể nghiên cứu quan tâm đến vai trò giữa vợ và chồng trong giáo dục con cái và kết quả được đánh giá theo các hướng khác nhau. Trong khi một số nghiên cứu khẳng định người chồng có ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục con cái, thì một số nghiên cứu khác lại cho rằng người vợ có đóng góp nhiều hơn ở công việc này. Tuy nhiên nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy người vợ vẫn tham gia đóng góp nhiều hơn người chồng ở công việc này của gia đình.

3. Giới trong các quan hệ họ hàng, làng xã

So với các khía cạnh khác của quan hệ giới trong gia đình, vai trò giới trong các quan hệ họ hàng, làng xã ít được chú ý hơn trong hơn một thập kỷ qua. Tuy

nhien, tổng quan cho thấy đã có một số nghiên cứu phản ánh về mối quan hệ này.

Chẳng hạn, nghiên cứu “Gender roles in the family: change and stability in Vietnam” năm 2004 của Vũ Tuấn Huy, John Knodel, Rukmalie... cho thấy, phân công lao động giữa người vợ và người chồng trong gia đình không có sự thay đổi đáng kể: người vợ đảm nhận những công việc nội trợ, còn người chồng đại diện cho gia đình trong các hoạt động bên ngoài gia đình, cộng đồng.

Nghiên cứu của Nguyễn Thu Nguyệt tiếp tục cho thấy rõ vị thế của người vợ trong mối quan hệ này, “thói trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào cộng đồng dân cư. Tiếng nói của phụ nữ ít có trọng lượng trong việc đưa ra quyết định không chỉ trong cộng đồng, dòng họ mà còn ngay cả ở trong gia đình” (Nguyễn Thu Nguyệt, 2004: 82-83). Trong khi đó, nghiên cứu “Phân công lao động trong gia đình” năm 2004 của Vũ Mạnh Lợi chỉ ra những hoạt động trong gia đình có sự phân công theo giới, trong đó có những hoạt động nội trợ như: mua thức ăn, nấu cơm, rửa bát, giặt giũ thường do người vợ đảm nhiệm; còn các công việc như: tiếp khách, đại diện gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng thường do người chồng thực hiện.

Một nghiên cứu khác của Lê Thị Quý chỉ ra vai trò giới ở nhóm dân tộc ít người, vùng miền núi ở nước ta, “theo phong tục, phụ nữ hầu như không được tham gia dự hội hè hoặc các đám cưới đám ma trong bản. Những dịp này, nếu nhà có đám thì gia chủ phải làm cơm rượu thiết đãi cả bản trong nhiều ngày, phụ nữ phải phục dịch rất vất vả, nếu nhà không có đám thì người vợ phải gánh hết việc sản xuất và việc nhà để chồng thay mặt gia đình đi uống rượu. Chẳng hạn, có xã có đám ma có những

người đàn ông đã ngồi chờ 3-4 ngày từ khi người chết tắt thở cho đến khi chôn cất để uống rượu. Họ không về nhà và cũng chẳng quan tâm xem vợ con sống ra sao trong những ngày này. Có người đàn ông cả tháng không làm gì chỉ đi dự đám ma, đám cưới” (Lê Thị Quý, 2004: 46).

Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 khẳng định, “sự bảo lưu của khuôn mẫu phân công lao động theo giới truyền thống trong các gia đình. Kể cả nhận thức và hành vi, người phụ nữ và nam giới đều được gán cho những loại công việc nhất định, được coi là phù hợp với giới của mình. Chẳng hạn, đối với người phụ nữ/người vợ đó là các công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, giữ tiền, chăm sóc người già/người ốm, còn người đàn ông/người chồng chịu trách nhiệm với các công việc sản xuất kinh doanh, tiếp khách lạ, thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền” (Dẫn theo: Nguyễn Hữu Minh, 2008: 44-45).

Tuy nhiên, một số nghiên cứu gần đây chỉ ra sự thay đổi vai trò giới trong mối quan hệ này, nhất là đối với nhóm hộ gia đình có chồng tham gia hoạt động kinh tế ngoài cộng đồng. Nghiên cứu của Trần Quý Long cho thấy, “ngày nay, phụ nữ có chồng đi làm ăn xa ngày càng phổ biến ở nông thôn. Đàn ông đi khỏi làng để kiếm việc làm có thu nhập như làm xe ôm, xây dựng, làm thuê... Vì thế tất cả gánh nặng việc nhà, sản xuất, trách nhiệm đối với cộng đồng làng xã đều do người phụ nữ gánh vác” (Trần Quý Long, 2007: 86).

Nghiên cứu của Đỗ Thiên Kính cũng chỉ rõ, “việc làm của người chồng có xu hướng hoạt động ra bên ngoài gia đình nhiều hơn; và người chồng thể hiện xu hướng ‘hòa nhập’ vào xã hội, còn người vợ ‘ở lại’ lao động cho gia đình mình. Điều này sẽ làm cho người chồng có quan

hệ xã hội rộng rãi hơn và vị thế trong xã hội cũng cao hơn người vợ” (Đỗ Thiên Kính, 2007: 41).

Nghiên cứu của Nguyễn Đức Chiện tiếp tục cho thấy vai trò giới trong dòng họ. Người chồng cùng với các con trai trưởng thành thường được tham gia vào các sinh hoạt của dòng họ như họp họ, giỗ tổ họ, đi thăm hỏi phúng viếng, trong khi người vợ và các con gái không có cơ hội tham gia vào các hoạt động này (Nguyễn Đức Chiện, 2013).

Có thể nói, trong các hoạt động nội trợ, chăm sóc sức khỏe thành viên gia đình, giáo dục con cái, sản xuất và kinh doanh của gia đình và tham gia các hoạt động cộng đồng và làng xã thì sự tham gia của người vợ vào các hoạt động cộng đồng dòng họ và làng xã vẫn ít có sự thay đổi. Mặc dù, một số nghiên cứu gần đây chỉ ra sự tham gia đáng kể của phụ nữ vào hoạt động dòng họ và cộng đồng, nhưng nhìn chung, người chồng vẫn nắm giữ vai trò chủ đạo trong mối quan hệ này. Điều đó minh chứng rằng, sự bất bình đẳng giới vẫn tiếp diễn trong quan hệ dòng họ và cộng đồng nông thôn nước ta.

II. Một số đánh giá, nhận xét

Qua khảo sát tài liệu ở trên, các bằng chứng nghiên cứu đã phản ánh bức tranh về khía cạnh liên quan đến khuôn mẫu giới giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn. Các nghiên cứu cho thấy một xu hướng chuyển biến đáng kể vai trò giới trong gia đình, người chồng đã tham gia nhiều hơn trước đây vào các công việc nội trợ, chăm sóc, giáo dục con cái, và người vợ tham gia tích cực hơn vào các hoạt động của gia đình. Tuy nhiên, sự phân công lao động trong gia đình nông thôn Việt Nam chủ yếu vẫn mang màu sắc truyền thống, ảnh hưởng và chi phối bởi khuôn mẫu văn

hóa truyền thống. Người vợ vẫn đảm nhận chính các công việc nội trợ, chăm sóc thành viên gia đình, trong khi người chồng giữ vai trò trong dòng họ và cộng đồng. Các nghiên cứu trong hơn một thập niên qua đều chỉ ra rằng, vị thế của người phụ nữ trong gia đình được nâng cao hơn theo hướng hiện đại hóa, nhưng vẫn phản ánh đặc trưng truyền thống. Có thể nói, vị thế người phụ nữ đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn chưa tương xứng với vai trò đóng góp của họ cho gia đình.

Tóm lại, các bằng chứng thực nghiệm gần đây đã phác họa một số nét cơ bản liên quan đến động thái của vai trò giới giữa vợ và chồng ở gia đình nông thôn, cho thấy xu hướng tiến triển bình đẳng giới trong đời sống gia đình diễn ra rất chậm. Đây có thể xem là thách thức của việc thực thi Luật Bình đẳng giới đã ban hành và quá trình hiện đại hóa gia đình Việt Nam. Ở nghiên cứu này, các tác giả bài viết vẫn chưa quan tâm tìm hiểu và lý giải các khía cạnh của sự khác biệt vai trò giới giữa vợ và chồng trong các nhóm gia đình nông thôn theo vùng miền, dân tộc, học vấn, mức sống, nghề nghiệp, quy mô gia đình, tôn giáo, v.v... Đây chính là khoảng trống, giới hạn của bài viết, cần được làm rõ trong các nghiên cứu tiếp theo, để từ đó góp phần làm sáng tỏ bức tranh về quan hệ giới trong bối cảnh đất nước chuyển đổi và hội nhập □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Vân Anh (2006), “Sinh kế và tiếp cận nguồn lực đất đai của phụ nữ tại hai xã nông thôn đồng bằng Bắc bộ và Nam bộ”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
2. Phùng Thị Kim Anh (2010), “Biến đổi mô hình phân công lao động nội trợ trong gia đình nông thôn”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2.
3. Mai Huy Bích (2003), *Xã hội học Gia đình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Chiện (2013), *Nghiên cứu tổng quan về quan hệ giới ở Việt Nam hơn một thập kỷ qua*, Đề tài khoa học cấp viện, Viện Xã hội học, Thư viện Viện Xã hội học, Hà Nội.
5. Vũ Tuấn Huy (Chủ biên, 2004), *Xu hướng gia đình ngày nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Linh Khiếu (2001), “Khía cạnh quan hệ giới của gia đình nông thôn miền núi”, Tạp chí *Khoa học về Phụ nữ*, số 5.
7. Đỗ Thiên Kính (2007), “Mẫu hình việc làm và nghề nghiệp của cặp vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
8. John Knodel, Rukmalie, Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy (2004), *Gender roles in the family: change and stability in Vietnam*, Conference on “Asian Family Change”, Singarpore.
9. Trần Quý Long (2007), “Lao động nội trợ của phụ nữ trong gia đình nông thôn”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
10. Vũ Mạnh Lợi (2004), “Phân công lao động trong gia đình”, Trong: Vũ Tuấn Huy (Chủ biên, 2004), *Xu hướng gia đình ngày nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (2007), *Quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay*, Báo cáo Đề tài khoa học cấp viện năm 2007, Viện Xã hội học, Hà Nội.
12. Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (2013), “Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng

- bằng Bắc bộ”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1.
13. Nguyễn Hữu Minh (2008), “Khía cạnh giới trong phân công lao động gia đình”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
 14. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009), *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ Đổi mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 15. Phan Đức Nam (2013), *Vai trò các cặp vợ chồng trẻ trong giáo dục và chăm sóc con cái (Qua xử lý số liệu điều tra gia đình Việt Nam 2006)*, Đề tài khoa học cấp viện, Viện Xã hội học, Thư viện Xã hội học, Hà Nội.
 16. Nguyễn Thu Nguyệt (2004), “Mấy vấn đề về giới trong xóa đói giảm nghèo”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
 17. Lê Thị Quý (2004), “Vấn đề giới trong các dân tộc ít người ở Sơn La, Lai Châu hiện nay”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
 18. Vũ Thị Thanh (2007), *Bất bình đẳng giới trong quan hệ giữa vợ - chồng ở gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay*, Báo cáo điền dã Lớp liên ngành Khoa học xã hội khóa 5, Hà Nội.
 19. Nguyễn Anh Tuấn (2011), “Giáo dục con cái - nhận thức trách nhiệm và sự quan tâm của cha mẹ ở gia đình nông thôn hiện nay”, Trong: Trịnh Duy Luân (Chủ biên, 2011), *Gia đình nông thôn đồng bằng Bắc bộ trong chuyển đổi*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 20. Lê Thái Bằng Tâm (2008), Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình”, Trong: Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (Đồng chủ biên, 2008), *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 21. Nguyễn Phương Thảo (2011), “Giới thiệu tóm tắt Báo cáo Bình đẳng giới ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6.
 22. Lê Ngọc Văn (2005), “Vấn đề giới trong các nghiên cứu về gia đình”, Tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 5.
 23. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, UNICEP (2008), *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2006*, Hà Nội.
 24. UNDP (2004), *Báo cáo đánh giá chung của Liên Hợp Quốc về Việt Nam*, Hà Nội.